

## HOSE

27/01/2014

VNINDEX	556.52	-3.67	-0.66%
KLGD	67,551,730	CP	
GTGD	1,171.60	Tỷ	
GTR NDTNN	13.59	Tỷ	

CP Tăng giá	165	CP
CP Giảm giá	58	CP
CP Đứng giá	81	CP



## Tâm điểm

- ▶ **Thị trường tăng giảm trái chiều, thanh khoản tiếp tục giảm trước khi nghỉ Tết**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục giảm so với phiên trước và ở mức thấp hơn so với BQ 10**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1450 tỷ đồng.
- ▶ **Tháng 1/2014: Xuất khẩu nông, lâm-thủy sản giảm gần 10%**  
Tháng 1/2014, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản cả nước ước đạt 2.32 tỷ Vietnamplus
- ▶ **Năm 2013: EU vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam**  
Tổng kim ngạch xuất khẩu tại thị trường này đạt 24.33 tỷ USD  
Chính Phủ
- ▶ **Nhật Bản thâm hụt thương mại kỷ lục trong năm 2013**  
Tháng 12/2013 là tháng thứ 18 thâm hụt thương mại liên tiếp của Nhật Bản  
Vneconomy
- ▶ **SĐT: Năm 2014, đặt mục tiêu lãi hơn 103 tỷ đồng**  
Tương đương với mức lợi nhuận đạt được trong năm 2013  
Đầu Tư chứng Khoán
- ▶ **VNM: Lãi ròng cả năm công ty mẹ 6,472 tỷ đồng, EPS 7,765 đồng**  
Mức lợi nhuận tăng 12% so với năm 2012  
Công Lý

## HNX

27/1/2014

HNXINDEX	74.22	0.56	0.76%
KLGD	31,979,832	CP	
GTGD	280.23	Tỷ	
GTR NDTNN	-	10.56	Tỷ

CP Tăng giá	158	CP
CP Giảm giá	44	CP
CP Đứng giá	177	CP



## Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	987,546	13.3	3.1	22.6%	11.8%
HNX	116,776	17.9	1.6	9.8%	3.9%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,104,322</b>	<b>14.2</b>	<b>3.0</b>	<b>21.6%</b>	<b>11.0%</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,312	6.5	1.1	17.5%	12.0%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,874	7.3	1.8	25.7%	19.5%	
Thép và sản phẩm thép	30,887	16.4	1.8	15.5%	6.3%	
Khai khoáng	12,212	41.7	4.9	3.7%	2.8%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	17,729	14.6	1.4	14.6%	10.3%	
Xây dựng	25,621	-	27.0	1.0	4.6%	1.9%
Máy công nghiệp	10,045	9.5	1.7	24.1%	13.6%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,449	11.6	1.5	17.0%	12.2%	
Lốp xe	6,634	8.2	2.3	30.2%	13.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	12,280	10.2	1.2	12.5%	5.8%	
Thực phẩm	212,094	23.6	5.9	24.9%	19.6%	
Dược phẩm	14,734	11.7	3.0	26.9%	17.1%	
Phần mềm	15,682	9.7	2.2	23.5%	10.5%	
Sản xuất & phân phối điện	22,923	7.0	1.3	21.6%	10.6%	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	155,954	11.6	4.4	40.0%	25.9%	
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	28.4	2.6	9.0%	2.3%	
Môi giới chứng khoán	20,066	17.2	1.2	7.9%	5.5%	
Ngân hàng	261,240	10.8	1.4	12.2%	1.0%	
Bất động sản	135,815	18.2	3.0	26.3%	6.2%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,248	10.6	1.8	18.7%	7.0%	

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	624.70	-3.21	-0.51%
HNX30	144.99	0.90	0.62%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

**Tháng 1/2014: Xuất khẩu nông, lâm-thủy sản giảm gần 10%**

Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn vừa cho biết, tháng 1/2014 kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản cả nước ước đạt 2.32 tỷ USD; giảm 9.7% so với cùng kỳ năm 2013. Cụ thể, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản ước đạt 1.17 tỷ USD, giảm 17.9%; lâm sản ước đạt 534 triệu USD, tăng 3.3%; thủy sản ước đạt 552 triệu USD, tăng 13.9% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm thể hiện rõ ở tất cả các mặt hàng xuất khẩu chính như cà phê, cao su, chè, tiêu, sắn và các sản phẩm từ sắn...

**Năm 2013: EU vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam**

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, năm 2013, EU tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với tổng kim ngạch 24.33 tỷ USD, tăng mạnh tới 19.8% và chiếm 18% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Các nhóm hàng xuất khẩu có tăng trưởng cao gồm điện thoại các loại và linh kiện: 8.15 tỷ USD, tăng 43.9%; giày dép các loại: 2.96 tỷ USD, tăng 11.8%; hàng dệt may: 2.73 tỷ USD, tăng 11.1%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 2.4 tỷ USD, tăng 50.1%... so với năm 2012.

**Nhật Bản thâm hụt thương mại kỷ lục trong năm 2013**

Theo báo cáo sơ bộ do Bộ Tài chính Nhật Bản, năm 2013, thâm hụt thương mại của Nhật Bản đạt 11,470 tỷ yen (tương đương 112.07 tỷ USD), tăng 65.3% so với mức thâm hụt 6,940 tỷ yen năm 2012. Chỉ tính riêng T12.2013, Nhật Bản thâm hụt 1,300 tỷ yen, là tháng thứ 18 thâm hụt liên tiếp và là tháng thâm hụt cao kỷ lục. Năm 2013, đồng yen của Nhật Bản mất giá 21.8% so với đồng USD và đây là nguyên nhân quan trọng giúp Nhật Bản gia tăng xuất khẩu nhờ lợi thế về giá, song tác dụng phụ của đồng yen yếu là khiến giá năng lượng nhập khẩu tăng.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

**SHN: Có lãi tới 64 tỷ sau 9 quý ngập trong lỗ**

CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (HNX: SHN) bất ngờ báo lãi ròng hợp nhất quý 4/2013 tới 64 tỷ đồng sau 9 quý trước đó ròng rã chìm trong thua lỗ. Mặc dù doanh thu thuần trong quý 4 chỉ vọt vọt 1.4 tỷ đồng, bằng 3.6% cùng kỳ. Nhưng nhờ hoạt động tài chính mang về 67 tỷ đồng lợi nhuận khiến lãi ròng 64 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ âm 17 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2013, SHN vẫn có lãi 1.68 tỷ đồng, khả quan hơn mức lỗ 127 tỷ đồng của năm 2012. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của SHN tại ngày 30/01/2013 âm 256 tỷ đồng.

**SĐT: Năm 2014, đặt mục tiêu lãi hơn 103 tỷ đồng**

CTCP Sông Đà 10 (HNX: SĐT) vừa lên kế hoạch kinh doanh năm 2014. Cụ thể, doanh thu đạt 1,078.48 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 103.02 tỷ đồng, tương đương với mức lợi nhuận đạt được trong năm 2013. Trong năm 2013, SĐT đạt tổng giá trị sản xuất - kinh doanh 1,292.32 tỷ đồng, vượt 48% kế hoạch. Trong đó, giá trị kinh doanh xây lắp chiếm chủ yếu với 1,242 tỷ đồng, hoạt động ngoài xây lắp đạt gần 50 tỷ đồng. Doanh thu đạt 1,212 tỷ đồng, vượt 29.1% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 103.82 tỷ đồng, vượt gần 30% kế hoạch. SĐT vừa thực hiện tăng vốn điều lệ từ 210.6 tỷ đồng lên 273.7 tỷ đồng bằng việc phát hành hơn 6 triệu cổ phiếu.

**VNM: Lãi ròng cả năm công ty mẹ 6,472 tỷ đồng, EPS 7,765 đồng**

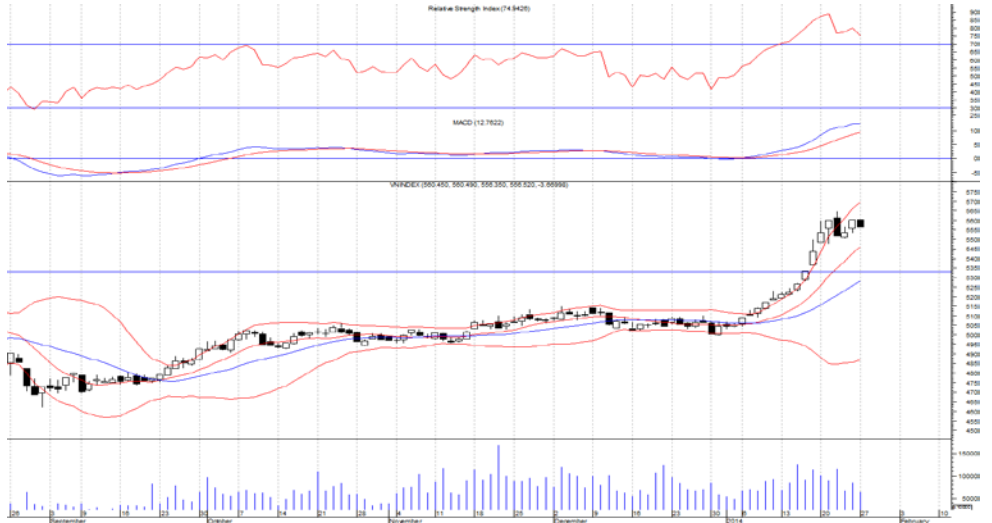
CTCP Sữa Việt Nam (HOSE: VNM) vừa công bố báo cáo tài chính công ty mẹ quý 4/2013 với lãi ròng 1,456 tỷ đồng, lũy kế cả năm đạt 6,472 tỷ đồng, ứng với EPS 7,765 đồng. Doanh thu thuần quý 4 đạt mức 8,225 tỷ đồng, tăng 16% so cùng kỳ. Tuy nhiên giá vốn tăng 22% và chi phí bán hàng cũng tăng 36% khiến lãi ròng giảm 11%, xuống 1,456 tỷ đồng. Theo VNM, sở dĩ lợi nhuận giảm do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao so với cùng kỳ. Ngoài ra, công ty cũng tăng cường thực hiện các hoạt động tiếp thị, bán hàng cuối năm, đồng thời triển khai hoạt động giới thiệu sản phẩm mới đến người tiêu dùng. Lũy kế cả năm doanh thu thuần của VNM đạt 31,127 tỷ đồng, tăng 16% so năm 2012. Lợi nhuận sau thuế 6,472 tỷ đồng, tăng 12%.

**HOSE** 27/01/2014 VNINDEX 556.52 -3.67 -0.66% 67,551,730 CP 1,171.60 bil VND

**Bluechip kéo thị trường giảm điểm, thanh khoản thấp trước phiên nghỉ Tết**

VN-Index giảm 3.67 điểm (-0.66%), đóng cửa tại mức 556.52 điểm. VN-Index hình thành cây nến đen, thân nến bằng với cây nến tăng của phiên trước.

- MA10, MA20 tiếp tục đi lên và sẽ là những đường hỗ trợ cho thị trường nếu đảo chiều.
- Tín hiệu MACD Histogram đang có dấu hiệu quay đầu giảm sau giai đoạn tăng mạnh trước đó.
- Stochastic Oscillator có dấu hiệu quay đầu giảm.
- RSI (14) giảm về mức 74.94.
- ADX vẫn đang trong xu thế đi lên.



**HOSE Top 5** theo KLGD

ITA	0.1 (1.4%)	5,934,480
SSI	1 (4.5%)	4,409,640
BID	-0.4 (-2.1%)	3,240,910
IJC	0.5 (5.1%)	2,735,990
FLC	0.2 (2.3%)	2,236,470

**HOSE Top 5** theo % tăng

SFC	1.4 (7.0%)	540
DMC	2.9 (7.0%)	33,620
FCN	1.6 (6.9%)	1,222,560
SVI	2.4 (6.9%)	10
HVX	0.3 (6.8%)	740

**HOSE Top 5** theo % giảm

TTP	-2 (-6.9%)	120
TNA	-1.9 (-6.9%)	640
KAC	-0.7 (-6.7%)	10
CLP	-0.4 (-6.3%)	3,010
NSC	-5 (-6.0%)	3,110

**HOSE Top 5** Mua ròng NDTNN

HTL	21,6 tỷ	1,440,000
SJS	6,9 tỷ	287,890
HSG	6,1 tỷ	130,920
NBB	5,1 tỷ	287,190
BVH	3,1 tỷ	66,660

**HOSE Top 5** Bán ròng NDTNN

GAS	-10,7 tỷ	136,220
DPM	-8,3 tỷ	182,710
HAG	-6,9 tỷ	315,340
HPG	-6,0 tỷ	131,910
SSI	-5,5 tỷ	245,840

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,750,320	13.59

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Mở cửa thị trường đi ngang nhưng sau đó VNINDEX giảm điểm khi các cổ phiếu Bluechip bị bán xuống dưới tham chiếu.
- ▶ Thanh khoản giảm xuống mức 65 triệu cổ phiếu, và ở mức thấp so với thanh khoản thời gian vừa qua.
- ▶ VNINDEX tỏ ra khó khăn để vượt ngưỡng 560 điểm, nhịp điều chỉnh có thể còn diễn ra khi động lực tăng của các cổ phiếu Bluechip yếu đi.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhưng giá trị mua ròng giảm. Nếu lực mua ròng không được duy trì thì khả năng điều chỉnh sâu là cao.
- ▶ Nhà đầu tư cần nhắc chốt lời những cổ phiếu đã đạt kỳ vọng về lợi nhuận. Chỉ xem xét mua cổ phiếu có thông tin hỗ trợ tốt từ KQKD Quý 4.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	77.0	145,915.00	11.8	4.5	40.9%	26.6%
VNM	833.5	141.0	117,518.86	17.6	7.0	40.5%	32.7%
MSN	734.9	95.0	69,816.58	175.3	5.4	2.7%	0.9%
VIC	909.5	76.5	69,578.63	11.4	4.3	47.1%	10.5%
VCB	2,317.4	28.5	66,046.39	16.5	1.6	9.8%	1.0%
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	7.4	1.1	16.0%	1.3%
BID	2,811.2	18.4	51,726.13	10.7	1.7	15.4%	0.9%
BVH	680.5	46.5	31,641.92	28.4	2.6	9.0%	2.3%
STB	1,142.5	20.0	22,850.23	28.7	1.5	5.4%	0.5%
PVD	275.3	72.0	19,818.58	11.1	1.9	20.2%	8.2%

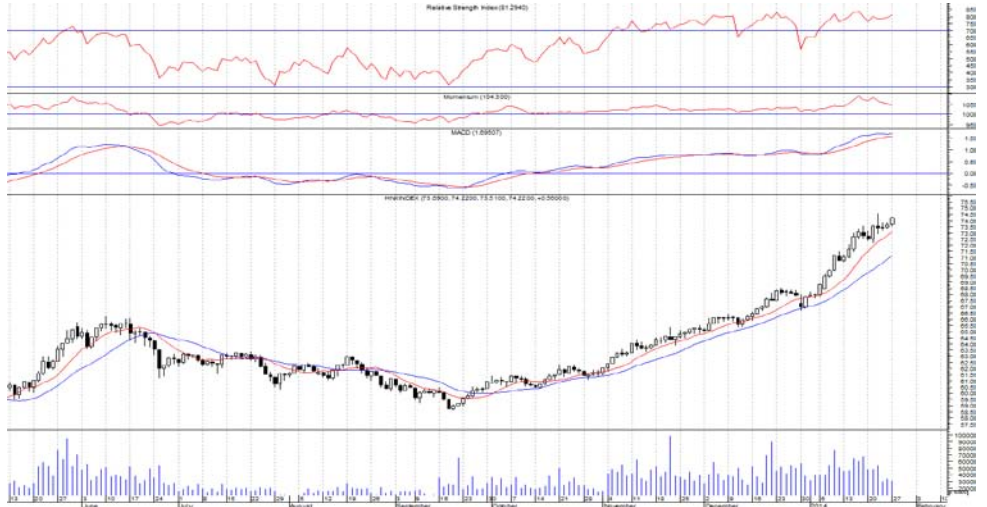
**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	11.9	2,767.94	17.4	1.0	NA	CW
PPC	318.2	26.2	8,335.65	4.3	1.6	NA	CW
DPM	379.9	45.3	17,211.02	7.0	1.8	NA	CW
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.1	2.4	NA	CW
VSC	28.6	67.0	1,919.29	7.7	2.1	NA	CW

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

**HNX**      27/01/2014      HNX-Index      74.22      0.56      0.76%      31,979,832 CP      280.23 bil. VND

**HNX tiếp tục tăng điểm lên mức cao, thanh khoản thấp trước phiên nghỉ Tết**  
 Chỉ số HNX-Index tăng 0.56 điểm (+0.76%), đóng cửa tại mốc 74.22 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh tăng điểm vượt lên trên 74 điểm, thân nến dài, đóng cửa ở mức cao nhất phiên.  
 - MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng tiếp tục củng cố xu thế tăng của HNXINDEX.  
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator đã cắt đường tín hiệu trở lại.  
 - Tín hiệu MACD Histogram đang đi ngang.  
 - RSI (14) tăng trở lại lên mức 81.29.



**HNX Top 5** theo KLGD

PVX	0.2 (7.1%)	7,730,350
SHB	0 (0.0%)	2,570,780
KLS	0.1 (1.1%)	1,995,600
BVS	0.8 (6.3%)	1,880,600
SCR	0.2 (2.7%)	1,335,730

**HNX Top 5** theo % tăng

LO5	0.4 (10.0%)	500
NVC	0.2 (10.0%)	62,300
PGT	0.6 (10.0%)	100
VE4	0.8 (10.0%)	-
VXB	1.1 (10.0%)	200

**HNX Top 5** theo % giảm

QCC	-0.3 (-9.7%)	100
DPC	-1.4 (-9.5%)	1,100
NDX	-0.7 (-9.5%)	200
DLR	-0.5 (-8.2%)	1,400
BTH	-0.3 (-8.1%)	100

**HNX Top 5** Mua ròng NDTNN

PGS	1,5 tỷ	42,000
KLS	1,1 tỷ	113,000
TIG	0,8 tỷ	97,700
SHB	0,6 tỷ	84,300
VNR	0,4 tỷ	16,200

**HNX Top 5** Bán ròng NDTNN

PVS	-12,6 tỷ	449,300
AAA	-2,0 tỷ	90,000
SCR	-1,1 tỷ	147,500
VND	-0,3 tỷ	19,962
NBC	-0,2 tỷ	19,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-171,162	- 10.56

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Đầu phiên HNX-Index linh xình đi ngang sau đó tăng dần về cuối phiên, đóng cửa HNXINDEX ở mức cao nhất trong phiên vượt ngưỡng 74 điểm.
- ▶ Đây là phiên thứ 3 liên tiếp thanh khoản ở mức rất thấp so với giai đoạn trước và chỉ đạt 31,6 triệu cổ phiếu.
- ▶ MA10 và MA20 vẫn tiếp tục đi lên đóng vai trò thành mốc hỗ trợ cho thị trường nếu thị trường quay đầu giảm điểm.
- ▶ Khối ngoại thực hiện bán ròng 10 tỷ đồng trên sàn Hà Nội khi mua vào 15 tỷ đồng và bán ra 25 tỷ đồng.
- ▶ Nhà đầu tư cần nhắc chốt lời những cổ phiếu đã đạt kỳ vọng về lợi nhuận. Chỉ xem xét mua cổ phiếu có thông tin hỗ trợ tốt từ KQKD Quý 4.

**HNX - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.2	14,928.55	15.8	1.2	7.5%	0.6%
PVS	446.7	28.0	12,507.61	9.8	1.6	17.4%	5.3%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	7.2	6,379.80	3.8	0.6	17.1%	1.5%
OCH	200.0	27.6	5,520.00	39.9	2.6	5.9%	2.2%
VCG	441.7	11.1	4,902.99	27.3	0.9	3.4%	0.7%
PVI	225.4	18.7	4,215.24	15.0	0.7	4.6%	2.5%
LAS	77.8	44.6	3,471.31	7.8	2.5	34.3%	16.1%
NTP	43.3	63.0	2,730.29	8.9	2.3	26.6%	18.1%
VNR	100.8	25.9	2,611.44	7.4	1.0	14.5%	7.8%

**HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.0	1,368.00	6.3	1.5	NA	<b>CW</b>
AAA	19.8	23.2	459.36	6.7	0.9	NA	<b>CW</b>
VND	96.9	13.7	1,328.03	10.8	1.1	NA	<b>CW</b>
NTP	43.3	63.0	2,730.29	8.9	2.3	NA	<b>CW</b>
VCG	441.7	11.1	4,902.99	27.3	0.9	NA	<b>CW</b>

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>ROE</b>	<b>ROA</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,312	6.5	1.1	17.5%	12.0%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,874	7.3	1.8	25.7%	19.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,186	20.5	0.5	2.1%	1.8%
Sản xuất giấy	656	18.9	0.7	7.0%	4.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	30,887	16.4	1.8	15.5%	6.3%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,776	4.5	0.8	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,212	41.7	4.9	3.7%	2.8%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	17,729	14.6	1.4	14.6%	10.3%
Xây dựng	25,621	- 27.0	1.0	4.6%	1.9%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,268	7.7	1.2	18.6%	10.0%
Công nghiệp phức hợp	332	4.7	0.5	15.9%	11.1%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,590	10.3	0.9	8.7%	4.8%
Thiết bị điện	1,488	- 15.8	0.6	0.1%	-0.9%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	32	18.2	0.4	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	10,045	9.5	1.7	24.1%	13.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	6,576	- 2.7	0.8	8.2%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,449	11.6	1.5	17.0%	12.2%
Dịch vụ vận tải	4,827	10.0	1.3	16.4%	10.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,840	9.0	1.1	11.7%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	230	14.5	0.6	5.7%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	167	7.3	0.8	11.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	104	1.7	0.6	44.2%	19.6%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,940	21.4	1.6	17.3%	8.8%
Lốp xe	6,634	8.2	2.3	30.2%	13.8%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,842	6.5	1.2	17.7%	11.0%
Vang & Rượu mạnh	201	12.8	1.6	12.8%	8.1%
Đồ uống & giải khát	248	6.6	1.2	15.7%	10.6%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,280	10.2	1.2	12.5%	5.8%
Thực phẩm	212,094	23.6	5.9	24.9%	19.6%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	38	74.3	0.5	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,158	9.0	1.1	12.9%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	154	3.5	1.3	32.3%	23.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,973	9.7	1.5	15.3%	6.0%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,124	11.1	1.8	16.0%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	738	- 50.4	1.0	7.3%	5.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,045	7.2	1.0	15.9%	9.1%
Dụng cụ y tế	126	3.3	1.6	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	160	16.1	1.0	6.4%	4.1%
Dược phẩm	14,734	11.7	3.0	26.9%	17.1%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	334	58.6	1.0	1.8%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	632	30.3	1.1	11.1%	6.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,649	9.1	1.7	20.6%	3.8%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	3.3	0.4	16.1%	9.1%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,051	7.6	0.9	14.9%	9.4%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	114	8.4	2.6	35.0%	15.7%
Khách sạn	5,958	43.7	2.5	5.6%	2.2%
Dịch vụ giải trí	2,018	21.3	1.7	12.2%	10.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,243	23.8	2.4	16.8%	14.6%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	39	9.1	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	423	833.1	0.6	0.5%	0.2%
Internet	178	33.5	0.4	1.3%	0.3%
Phần mềm	15,682	9.7	2.2	23.5%	10.5%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	338	13.2	0.5	4.0%	1.6%
Thiết bị văn phòng	209	4.9	0.8	17.5%	12.8%
Thiết bị viễn thông	2,054	15.2	0.7	5.0%	3.7%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,923	7.0	1.3	21.6%	10.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	155,954	11.6	4.4	40.0%	25.9%
Nước	1,032	5.5	1.0	18.3%	13.1%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,231	10.7	0.9	7.9%	2.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,360	12.2	0.7	5.8%	3.0%
Tái bảo hiểm	2,571	7.3	1.0	14.5%	7.8%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	28.4	2.6	9.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,390	57.5	1.1	-1.8%	-0.5%
Môi giới chứng khoán	20,066	17.2	1.2	7.9%	5.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	261,240	10.8	1.4	12.2%	1.0%
Bất động sản					
Bất động sản	135,815	18.2	3.0	26.3%	6.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	4.6	0.4	-8.6%	-3.9%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,248	10.6	1.8	18.7%	7.0%

- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.